Mẫu số 01

TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ..... V/v cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: ...(Cơ quan có thẩm quyền)[1]

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....

2. Loại hình người sử dụng lao động[2]: .....

3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có): .....

4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ..... người.

Trong đó, số người lao động nước ngoài đang làm việc là: .....người

5. Địa chỉ[3]: .....

6. Điện thoại: .....Email (nếu có):.....

7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số: .....

Cơ quan cấp: ..... Có giá trị đến ngày: .....

Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính[4]: .....

** Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*

Giấy phép kinh doanh/hoạt động số: .....

Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động[5]: .....

Cơ quan cấp: ..... Thời hạn: .....

8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email): .....

II. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ...(Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/ gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định này.

Lý do đề nghị (áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do):.....

1. Thông tin cơ bản

1.1. Họ và tên (In hoa)/*Full name (In capital letters)*: .....

1.2. Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: .....

1.3. Giới tính (Nam/Nữ)/*Sex (Male/Female)*: .....

1.4. Quốc tịch/*Nationality*: .....

1.5. Số hộ chiếu/*Passport number*: .....

Có giá trị đến ngày/*Date of expiry*: .....

1.6. Mã số định danh cá nhân (nếu có)/*Personal Identification Number (If any)*: .....

1.7. Thông tin khác (áp dụng đối với trường hợp đề nghị khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp)/*Other information (Applicable to case in which a request is made for retrieval of information from the judicial record database).*

a) Thông tin cư trú tại Việt Nam/Information on residence in Viet Nam[6]:

- Nơi thường trú/*Permanent residence*: .....

- Nơi tạm trú/*Temporary residence*: .....

- Nơi ở hiện nay/*Current place of residence*: .....

b) Họ và tên cha, mẹ, vợ hoặc chồng (nếu có)/*Full name of father, mother, spouse (if any)*:.....

2. Thông tin về việc làm dự kiến

2.1. Vị trí công việc (Nếu có)[7]/*Job assignment (If any)*: .....

Cụ thể, lĩnh vực làm việc[8]/*Job field*: .....

2.2. Hình thức làm việc theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 2 (ghi cụ thể trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động)[9]/*Working form as prescribed in Point n, Clause 1, Article 2 (Specify the case of exemption from work permit)*: .....

2.3. Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)[10]/*Technical professional qualification (If any)*: .....

2.4. Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/*Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I)*:

Tên người sử dụng lao động/*Name of employer*: .....

Loại hình người sử dụng lao động[11]/*Type of employer*: .....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/*Identification Number of employer (If any)*: .....

2.5. Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc[12]/*Working place (List of place)*: .....

2.6. Thời hạn làm việc/*Period of work*: Từ (ngày/tháng/năm)/*from (day/month/year)*..... đến (ngày/tháng/năm)/*to (day/month/year)* .....

3. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp/dịch vụ bưu chính công ích): .....

Địa chỉ nhận kết quả[13]: .....

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: .....

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

(2), (11) Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; Doanh nghiệp (Doanh nghiệp Nhà nước, Doanh nghiệp ngoài Nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); Đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; Khu vực nước ngoài; Nhà thầu; Tổ chức/cơ quan khác.

(3), (6), (12), (13) Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố.

(4) Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 4 quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Trường hợp khác ghi cụ thể.

(5) Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

(7) Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; Chuyên gia; Lao động kỹ thuật hoặc khác.

(8) Ghi cụ thể tên công việc/nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 5 của Phụ lục I Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục nghề nghiệp Việt Nam. Trường hợp chưa có ghi rõ tên công việc/nghề nghiệp cụ thể.

(9) Ghi cụ thể trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

(10) Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, Trình độ khác.